TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **368**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 18-10-2018
V/v "tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hưng.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Mai Thị Thanh Thủy.
2. Ông Nguyễn Tấn Xuân.

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Thúy Nga, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai *tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2018 về "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987; nơi đăng ký HKTT: 69/2, ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai; địa chỉ cư trú: 2D/C3, ấp Đ, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai – có mặt.

2. Bị đơn: anh Nguyễn Viết V, sinh năm 1975, địa chỉ cư trú: 69/2, ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đ – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn khởi kiện đề ngày 11/01/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:*

- Về hôn nhân: chị và anh Nguyễn Viết V tìm hiểu nhau được khoảng một năm thì tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/02/2011. Sau khi kết hôn, chị về sống chung với gia đình anh V, được một thời ngắn thì vợ chồng xảy ra bất hòa tranh cãi. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, anh V không lo làm ăn, không tìm công việc ổn định, thường xuyên thức đêm để chơi game, chị nhiều lần khuyên lơn nhưng anh V không sửa đổi. Từ tháng 6/2017 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng, do bức xúc việc anh V không thay đổi lối sống nên cả hai thường xảy ra tranh cãi, xô xát. Từ tháng 11/2017 đến nay, chị thuê phòng trọ sinh sống, anh V có đến tìm nhưng không phải để hòa giải mà gây sự đánh chị, sau đó thì anh V có đến tìm một lần nữa nhưng chị không mở cửa. Từ đó đến nay, cả hai không còn gặp

nhau, không ai có biện pháp hòa giải mâu thuẫn để đoàn tụ chung sống. Chị xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn tình cảm vợ chồng với anh V nên xin được ly hôn anh V.

- Về con chung: có hai con chung là Nguyễn Mai Ngọc H, sinh ngày 09/10/2011, hiện do anh V nuôi dưỡng và Nguyễn Mai Thanh T, sinh ngày 15/4/2015, hiện do chị nuôi dưỡng. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, chị xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, đồng ý để anh V tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, chị không yêu cầu anh V thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 12/9/2018, bị đơn là anh Nguyễn Viết V trình bày:*

- Về hôn nhân: anh tự nguyện kết hôn với chị T, có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn, chị T về chung sống với gia đình anh tại ấp D, xã G, huyện T. Khoảng tháng 10/2017, anh phát hiện việc chị T ngoại tình, chị T cũng thừa nhận. Vì vẫn còn thương yêu chị T nên anh tha thứ bỏ qua, nhưng chị T chỉ tiếp tục chung sống với anh được khoảng một tháng thì vô cớ bỏ đi cho đến nay. Khoảng thời gian đầu thì vợ chồng có liên lạc với nhau qua điện thoại để tìm biện pháp đoàn tụ nhưng không có kết quả, anh thừa nhận có đến nhà trọ chị T thuê ở đánh chị T. Anh không đồng ý ly hôn chị T vì muốn các con sống có cha có mẹ và do anh là người theo đạo công giáo, không cho phép ly hôn.

- Về con chung: có hai con chung như chị T trình bày. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, đồng ý giao cháu T cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, hai bên không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên các ý kiến và yêu cầu đã trình bày nêu trên, không thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như anh V trình bày.

** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện T*:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: nguyên đơn, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Riêng đối với thời hạn chuẩn bị xét xử là chưa bảo đảm đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về việc giải quyết tranh chấp: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T; về con chung giao cháu T cho chị T, giao cháu H cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng, tạm thời chị T và anh V không không phải cấp dưỡng nuôi con; về chia tài sản không đặt ra xem xét; chị T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T khởi kiện tranh chấp ly hôn, bị đơn anh Nguyễn Viết V có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn anh V vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

[2.1] Chị T và anh V tự nguyện xây dựng gia đình vào năm 2011, đáp ứng điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 nên được cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định, là hôn nhân hợp pháp, trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn nên chị T xin ly hôn. Xét thời điểm hiện tại Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực, việc kết hôn của chị T và anh V thỏa mãn các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật này, chị T và anh V cũng không có tranh chấp về tài sản nên Tòa án áp dụng quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết. Chị T được quyền đơn phương xin ly hôn anh V theo quy định tại khoản 1 Điều 51.

[2.2] Về mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh V theo chị T trình bày là do bất đồng quan điểm sống, anh V không lo làm ăn, không tìm công việc ổn định để phụ giúp về kinh tế cho gia đình, chị nhiều lần khuyên lơn nhưng anh V không thay đổi. Anh V thì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ việc anh phát hiện chị T ngoại tình, tuy nhiên Tòa án yêu cầu cung cấp chứng cứ nhưng anh không cung cấp được. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh V xảy ra đã lâu, từ tháng 11/2017 đến nay cả hai đã không còn chung sống, thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng. Anh V không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp nào để hòa giải mâu thuẫn với chị Thu, lại vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không tham gia hòa giải đoàn tụ. Lý do anh V không đồng ý ly hôn chị T là vì muốn các con sống có cha có mẹ và do anh là người theo đạo công giáo, không cho phép ly hôn, không phải là vì còn tình cảm vợ chồng với chị T. Do vậy, đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa chị T và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho ly hôn giữa chị T và anh V.

[3] Về nuôi con chung: Chị T và anh V có hai con chung là Nguyễn Mai Ngọc H, sinh ngày 09/10/2011 và Nguyễn Mai Thanh T, sinh ngày 15/4/2015. Ly hôn, chị T xin được nuôi dưỡng cháu T, anh V xin được nuôi dưỡng cháu H. Xét hiện tại chị T đang nuôi dưỡng cháu T, anh V đang nuôi dưỡng cháu H, hiện cả hai đều có công việc và thu nhập ổn định, cháu H cũng có nguyện vọng được ở với cha. Do vậy, nhằm để ổn định cuộc sống của trẻ, nên giao cháu T cho chị T, giao cháu H cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 58, khoản 1 và khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tòa án đã giải thích về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và Điều 110 của Luật Hôn

nhân và Gia đình năm 2014 nhưng chị T và anh V xác định không yêu cầu nên tạm thời chị T và anh V không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[5] Chị T và anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết chị T và anh V được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[6] Về chia tài sản: chị T và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí: chị T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Về quyền kháng cáo: các bên đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[9] Xét đề nghị của Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 8, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, khoản 2 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Nguyễn Viết V.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Viết V.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cháu Nguyễn Mai Ngọc H, sinh ngày 09/10/2011 cho anh V; giao cháu Nguyễn Mai Thanh T, sinh ngày 15/4/2015 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Tạm thời chị T và anh V không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

2.2 Chị T và anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết chị T và anh V được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: không đặt ra giải quyết.

4. Về nghĩa vụ chịu án phí: chị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngìn đồng) theo biên lai số 002490 ngày 26/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Nai. Chị T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: chị T được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, anh V được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Bản án được cấp, tống đạt hoặc niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- Thi hành án dân sự huyện T;
- Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trung Hưng